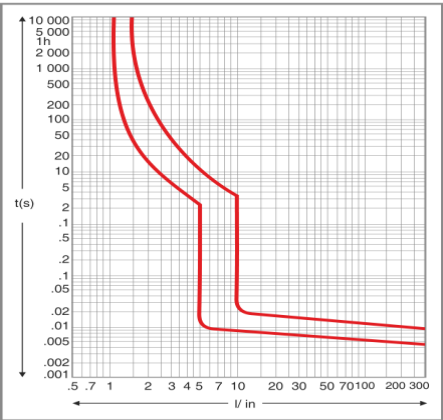


BẢNG GIÁ MCB C&S - Made in India
(Áp dụng từ 01/01/2016 - Giá chưa gồm thuế VAT)

MCB 1P, 2P, 3P, 4P dùng để đóng cắt.
Bảo vệ quá tải trip nhiệt (>145%), t< 1 giờ
Ngắn mạch trip điện từ (5-10)In, 0.1< t< 2 s
Dùng cho lưới điện công nghiệp, dân dụng.
Đường cong bảo vệ loại C (trip từ 5-10 In).
Xin vui lòng liên hệ nếu Quý khách có nhu cầu đặc tính loại B, D



Tiêu chuẩn : IEC 60898
Dòng định mức (In): 0.5 - 63A
Điện áp định mức (Ue): 240/415V
Khả năng cắt (Icu): 6kA, 10kA
Điện áp cách điện (Ui): 690V
Số lần đóng ngắt: <32A : 30,000 lần
>32A : 10,000 lần

MCB 1P 6kA			MCB CS Wintrip	MCB 1P 10kA		
In (A)	Mã Hàng	Giá (VNĐ)		In (A)	Mã Hàng	Giá (VNĐ)
6	CSMBS1C6X	60,000		6	CSMBS1C6	80,000
10	CSMBS1C10X	60,000		10	CSMBS1C10	80,000
16	CSMBS1C16X	60,000		16	CSMBS1C16	80,000
20	CSMBS1C20X	60,000		20	CSMBS1C20	80,000
25	CSMBS1C25X	60,000		25	CSMBS1C25	80,000
32	CSMBS1C32X	60,000		32	CSMBS1C32	80,000
40	CSMBS1C40X	63,000		40	CSMBS1C40	85,000
50	CSMBS1C50X	65,000		50	CSMBS1C50	92,000
63	CSMBS1C63X	65,000		63	CSMBS1C63	92,000
				80	CSMBS1C80	177,000
				100	CSMBS1C100	177,000
				125	CSMBS1C125	320,000

MCB 2P 6kA			MCB CS Wintrip	MCB 2P 10kA		
In (A)	Mã Hàng	Giá (VNĐ)		In (A)	Mã Hàng	Giá (VNĐ)
6	CSMBS2C6X	140,000		6	CSMBS2C6	168,000
10	CSMBS2C10X	140,000		10	CSMBS2C10	168,000
16	CSMBS2C16X	140,000		16	CSMBS2C16	168,000
20	CSMBS2C20X	140,000		20	CSMBS2C20	168,000
25	CSMBS2C25X	140,000		25	CSMBS2C25	168,000
32	CSMBS2C32X	140,000		32	CSMBS2C32	168,000
40	CSMBS2C40X	145,000		40	CSMBS2C40	180,000
50	CSMBS2C50X	150,000		50	CSMBS2C50	200,000
63	CSMBS2C63X	150,000		63	CSMBS2C63	200,000
				80	CSMBS2C80	389,000
				100	CSMBS2C100	389,000
				125	CSMBS2C125	434,000

MCB 3P 6kA			MCB CS Wintrip	MCB 3P 10kA		
In (A)	Mã Hàng	Giá (VNĐ)		In (A)	Mã Hàng	Giá (VNĐ)
6	CSMBS3C6X	215,000		6	CSMBS3C6	280,000
10	CSMBS3C10X	215,000		10	CSMBS3C10	280,000
16	CSMBS3C16X	215,000		16	CSMBS3C16	280,000
20	CSMBS3C20X	215,000		20	CSMBS3C20	280,000
25	CSMBS3C25X	215,000		25	CSMBS3C25	280,000
32	CSMBS3C32X	215,000		32	CSMBS3C32	280,000
40	CSMBS3C40X	225,000		40	CSMBS3C40	320,000
50	CSMBS3C50X	235,000		50	CSMBS3C50	380,000
63	CSMBS3C63X	235,000		63	CSMBS3C63	380,000
				80	CSMBS3C80	620,000
				100	CSMBS3C100	620,000
				125	CSMBS3C125	684,000

MCB 4P 6kA			MCB CS Wintrip	MCB 4P 10kA		
In (A)	Mã Hàng	Giá (VNĐ)		In (A)	Mã Hàng	Giá (VNĐ)
6	CSMBS4C6X	340,000		6	CSMBS4C6	380,000
10	CSMBS4C10X	340,000		10	CSMBS4C10	380,000
16	CSMBS4C16X	340,000		16	CSMBS4C16	380,000
20	CSMBS4C20X	340,000		20	CSMBS4C20	380,000
25	CSMBS4C25X	340,000		25	CSMBS4C25	380,000
32	CSMBS4C32X	340,000		32	CSMBS4C32	380,000
40	CSMBS4C40X	360,000		40	CSMBS4C40	420,000
50	CSMBS4C50X	380,000		50	CSMBS4C50	480,000
63	CSMBS4C63X	380,000		63	CSMBS4C63	480,000
				80	CSMBS4C80	800,000
				100	CSMBS4C100	800,000
				125	CSMBS4C125	980,000

RCCB CS Wintrip				
In (A)	Mã Hàng	Giá (VNĐ)		
2P 25A 30mA	CSRB2P25A30	540,000		
2P 40A 30mA	CSRB2P40A30	540,000		
2P 63A 30mA	CSRB2P63A30	550,000		
2P 63A 100mA	CSRB2P63A100	670,000		
4P 25A 30mA	CSRB4P25A30	670,000		
4P 40A 30mA	CSRB4P40A30	670,000		
4P 63A 30mA	CSRB4P63A30	685,000		
4P 63A 100mA	CSRB4P63A100	685,000		

BẢNG GIÁ MCCB C&S - Made in India**(Áp dụng từ 01/01/2016 - Giá chưa gồm thuế VAT)**

MCCB (APTOMAT) - Loại 2 Pha			
Icu (KA)	In (A)	Mã Hàng	Giá (VNĐ)
25	15-20-30-40-50-60	CS2A2	460,000
	75-100		480,000
35	125-150-175-200	CS3A2	1,280,000
50	225-250		1,530,000
MCCB (APTOMAT) - Loại 3 Pha			
Icu (KA)	In (A)	Mã Hàng	Giá (VNĐ)
14	15-20-30-40-50-60	CS2A3	590,000
	75-100		620,000
18	125-150-175-200	CS3A3	1,550,000
	225-250		1,780,000
22	15-20-30-40-50	CSC1S3	810,000
	60-75-100	CSC2N3	965,000
25	125-150-175-200	CS3B3	1,600,000
	225-250		1,850,000
30	100-125-150-175-200-225-250	CSC4N3	1,880,000
42	15-20-30-40-50-60-75-100-125	CSC3S3	1,180,000
	150-175-200-225-250	CSC4S3	2,090,000
	300-350-400	CSC5N3	5,200,000
45	500-630	CSC6N3	7,000,000
	700-800		8,300,000
65	1000	CSC7S3	23,700,000
	1200	CSC8S3	24,700,000
75	500-630	CSC6S3	7,300,000
	700-800		8,700,000
85	1000	CSC7L3	33,000,000
	1200	CSC8L3	38,000,000

PHỤ KIỆN MCCB

Shunt Trip (SHT)	≤ 100A - (CS2A3)	ST-A	648,000
	125A → 250A (CS3A3/CS3B3)	ST-C	650,000
	50A → 250A (CSC1/CSC2/CSC3/CSC4)	STC	650,000
	300A → 800A (CS4A3/CSC5/CSC6)	ST-6A	765,000
	1000A → 1200A (CSC7/CSC8)	ST-7A	810,000

Tiếp Điểm Phụ (AX)	50A → 250A (CS2/CS3/CSC1/..C2/..C3/..C4)	AXWC	220,000
	300A → 800A (CS4/CSC5/..C6)	ASW-6A	390,000
	1000A → 1200A (CSC7/..C8)	ASW-7A	680,000

Tiếp Điểm Cảnh Báo (AL)	50A → 250A (CS2/..3/CSC1/..C2/..C3/..C4)	ALWC	250,000
	300A → 800A (CS4/CSC5/..C6)	ALSW-6A	390,000
	1000A → 1200A (CSC7/..C8)	ALSW-7A	680,000

Bảo Vệ Thấp Áp (UVT)	50A → 250A (CS2/..3/CSC1/..C2/..C3/..C4)	UVTC	800,000
	300A → 800A (CS4/CSC5/..C6)	UVT-6A	880,000
	1000A → 1200A (CSC7/..C8)	UVT-7A	980,000

Tay Xoay Trực Tiếp	For CSC1/..C2	DHC100	350,000
	For CSC3	DHC125	350,000
	For CS3/CSC4	DHC250	430,000
	For CS4/CSC5	N-70S	880,000
	For CSC6	N-7M	880,000

Tay Xoay Trực Tiếp Có Khóa	For CSC1/..C2	DHCK100	1,050,000
	For CSC3	DHC125	1,100,000
	For CS3/CSC4	DHC250	1,200,000

Tay Xoay Gắn Ngoài	For CSC1/..C2	CSE-35S	600,000
	For CSC3	EHC125	630,000
	For CS3/CSC4	EHC250	650,000
	For CS4/CSC5	E-70U	1,350,000
	For CSC6	E-80U	1,500,000

BẢNG GIÁ CONTACTOR C&S - Made in India
 (Áp dụng từ 01/01/2016 - Giá chưa gồm thuế VAT)

CONTACTOR	Dòng Điện (A)	NO	NC	Mã Hàng	Giá (VNĐ)
	9	1	0	TC1D0910	230,000
		0	1	TC1D0901	230,000
		1	1	TC1D0911	240,000
	12	1	0	TC1D1210	240,000
		0	1	TC1D1201	240,000
		1	1	TC1D1211	270,000
	18	1	0	TC1D1810	375,000
		0	1	TC1D1801	375,000
		1	1	TC1D1811	395,000
	22	1	0	TC1D2210	530,000
		0	1	TC1D2201	530,000
	25	1	1	TC1D2511	550,000
	32	1	0	TC1D3210	660,000
		0	1	TC1D3201	660,000
		1	1	TC1D3211	700,000
	40	1	1	TC1D4011	900,000
	50	1	1	TC1D5011	1,045,000
	65	1	1	TC1D6511	1,210,000
	80	1	1	TC1D8011	1,690,000
	95	1	1	TC1D9511	2,150,000

	115	2	2	LC1FDP11511	2,300,000	
	130	2	2	LC1FDP13011	2,700,000	
	150	2	2	LC1FDP15011	3,600,000	
	185	2	2	LC1FDP18511	4,500,000	
	225	2	2	LC1FDP22511	4,800,000	
	265	2	2	LC1FDP26511	6,600,000	
	330	2	2	LC1FDP33011	7,000,000	
	400	2	2	LC1FDP40011	8,000,000	
	500	2	2	LC1FDP50011	16,000,000	
	580	2	2	LC1FDP58011	17,000,000	
	630	2	2	LC1FDP63011	18,000,000	
	800	2	2	LC1FDP80011	22,000,000	
CONTACTOR Tủ Bù (Loại Chuyên Dụng cho Tủ Bù)		KVAR (400-440V)	NO	NC	Mã Hàng	Giá (VNĐ)
	10	1	1	TC1D10K11	550,000	
	16	1	1	TC1D16K11	680,000	
	20	1	1	TC1D20K11	820,000	
	25	1	1	TC1D25K11	945,000	
	33	1	2	TC1D33K12	1,250,000	
	40	1	2	TC1D40K12	1,420,000	
	50	1	2	TC1D50K12	1,730,000	
	60	1	2	TC1D60K12	2,250,000	
	75	1	2	TC1D75K12	2,800,000	
	100	1	2	TC1D100K12M5	3,750,000	
PHỤ KIỆN CONTACTOR						
Tiếp Điểm Phụ (AX)	TA8DN11 : 1NO + 1NC (Gắn bên hông)	73,000	Cuộn Hút (Coil)	For TC1D 9A-32A	160,000	
	TA1DN22 : 2NO + 2NC (Gắn phía trên)	140,000		For TC1D 40A-95A	245,000	
Bộ Định Thời (Timer)	TA2DS2 : 1s - 30s (On Delay)	310,000	 			

BẢNG GIÁ OVERLOAD RELAY C&S - Made in India

(Áp dụng từ 01/01/2016 - Giá chưa gồm thuế VAT)

THERMAL OVERLOAD RELAYS (T-RANGE)			
STT	Mã Hàng	Thông Số Kỹ Thuật	Giá (VNĐ)
1	TR2D09301	0.10 to 0.16 A	220,000
2	TR2D09302	0.16 to 0.25 A	220,000
3	TR2D09303	0.25 to 0.40 A	220,000
4	TR2D09304	0.40 to 0.63 A	220,000
5	TR2D09305	0.63 to 1.00 A	220,000
6	TR2D09306	1.00 to 1.60 A	220,000
7	TR2D093X6	1.25 to 2.00 A	220,000
8	TR2D09307	1.60 to 2.50 A	220,000
9	TR2D09308	2.50 to 4.00 A	220,000
10	TR2D09310	4.00 to 6.00 A	220,000
11	TR2D09312	5.50 to 8.00 A	220,000
12	TR2D09314	7.00 to 10.0 A	220,000
13	TR2D12316	9.00 to 13.00 A	220,000
14	TR2D18321	12.00 to 18.00 A	250,000
15	TR2D25322	17.00 to 25.00 A	250,000
16	TR2D32353	23.0 to 32.0 A	270,000
17	TR2D32355	28.0 to 36.0 A	270,000
18	TR2D40353	23.0 to 32.0 A	290,000
19	TR2D40355	30.0 to 40.0 A	290,000
20	TR2D65357	37.0 to 50.0 A	530,000
21	TR2D65359	48.0 to 65.0 A	560,000
22	TR2D65361	55.0 to 70.0 A	600,000
23	TR2D80363	63.0 to 80.0 A	780,000
24	TR2D95365	80.0 to 93.0 A	830,000
THERMAL OVERLOAD RELAYS (F-RANGE)			
STT	Mã Hàng	Thông Số Kỹ Thuật	Giá (VNĐ)
1	LR1F105	65-105A, 55 kW	1,250,000
2	LR1F125	80-125A, 59 kW	1,550,000
3	LR1F160	100-160A, 80 kW	2,200,000
4	LR1F200	125-200A, 100 kW	2,400,000
5	LR1F250	160-250A, 129 kW	2,600,000
6	LR1F315	200-315A, 160 kW	3,100,000
7	LR1F400	250-400A, 200 kW	3,450,000
8	LR1F500	315-500A, 257 kW	3,700,000
9	LR1F630	400-630A, 355 kW	4,300,000
10	LR1F800	500-800A, 425 kW	6,000,000
11	LR1F1000	630-1000A, 500 kW	8,800,000

BẢNG GIÁ ACB C&S - Made in India

(Áp dụng từ ngày 01/01/2016 - Giá chưa bao gồm thuế VAT)

ACB Win Master 2 - 3 POLES (FIXED)				
Mã Hàng	Thông Tin Sản Phẩm	In (A)	Icu (KA)	Giá (VNĐ)
WX-06N-3P-MF-A	ACB 3 Cực, Kiểu Cố Định (FIXED) Vận Hành Bằng Tay	630	80	32,500,000
WX-08N-3P-MF-A		800		33,000,000
WX-10N-3P-MF-A		1000		35,000,000
WX-12N-3P-MF-A		1250		36,000,000
WX-16N-3P-MF-A		1600		37,000,000
WX-20N-3P-MF-A		2000		41,500,000
WX-25N-3P-MF-A		2500		46,000,000
	(Cấu hình vận hành bằng tay tiếp điểm phụ)			
WX-20H-3P-MF-A		2000	100	44,000,000
WX-25H-3P-MF-A		2500		48,000,000
WX-32H-3P-MF-A		3200		60,000,000
WX-40H-3P-MF-A		4000		Call

ACB Win Master 2 - 3 POLES (DRAWOUT)				
Mã Hàng	Thông Tin Sản Phẩm	In (A)	Icu (KA)	Giá (VNĐ)
WX-06N-3P-EDO-A	ACB 3 Cực, Kiểu Drawout Vận Hành Bằng Tay	630A	80	44,000,000
WX-08N-3P-EDO-A		800A		45,500,000
WX-10N-3P-EDO-A		1000A		50,000,000
WX-12N-3P-EDO-A		1250A		51,000,000
WX-16N-3P-EDO-A		1600A		52,000,000
WX-20N-3P-EDO-A		2000A		55,000,000
WX-25N-3P-EDO-A		2500A		60,500,000
	(Cấu hình vận hành bằng tay tiếp điểm phụ)			
WX-20H-3P-EDO-A		2000A	100	57,000,000
WX-25H-3P-EDO-A		2500A		68,000,000
WX-32H-3P-EDO-A		3200A		77,000,000
WX-40H-3P-EDO-A		4000A		Call

WX-06N-3P-EF-A	ACB 3 Cực, Kiểu Cố Định (FIXED) Vận Hành Bằng Điện	630	80	43,000,000	WX-06N-3P-EDO-A	ACB 3 Cực, Kiểu Drawout Vận Hành Bằng Điện (Cấu hình vận hành bằng điện bao gồm cuộn đóng, cuộn cắt, motor nạp, tiếp điểm phụ)	630A	80	54,000,000
WX-08N-3P-EF-A		800		47,000,000	WX-08N-3P-EDO-A		800A		59,000,000
WX-10N-3P-EF-A		1000		47,500,000	WX-10N-3P-EDO-A		1000A		60,000,000
WX-12N-3P-EF-A		1250		48,000,000	WX-12N-3P-EDO-A		1250A		60,500,000
WX-16N-3P-EF-A		1600		49,000,000	WX-16N-3P-EDO-A		1600A		62,500,000
WX-20N-3P-EF-A		2000		51,000,000	WX-20N-3P-EDO-A		2000A		65,000,000
WX-25N-3P-EF-A		2500		55,000,000	WX-25N-3P-EDO-A		2500A		68,000,000
WX-20S-3P-EF-A	(Cấu hình vận hành bằng điện bao gồm cuộn đóng, cuộn cắt, motor nạp, tiếp điểm phụ)	2000	100	59,000,000	WX-20H-3P-EDO-A		2000A	100	70,000,000
WX-25H-3P-EF-A		2500		62,000,000	WX-25H-3P-EDO-A		2500A		82,000,000
WX-32H-3P-EF-A		3200		73,000,000	WX-32H-3P-EDO-A		3200A		90,000,000
WX-40H-3P-EF-A		4000		Call	WX-40H-3P-EDO-A		4000A		Call

ACB Win Master 2 - 4 POLES (FIXED)

ACB Win Master 2 - 4 POLES (DRAWOUT)

Mã Hàng	Thông Tin Sản Phẩm	In (A)	Icu (KA)	Giá (VNĐ)	Mã Hàng	Thông Tin Sản Phẩm	In (A)	Icu (KA)	Giá (VNĐ)
WX-06N-4P-MF-A	ACB 4 Cực, Kiểu Cố Định (FIXED) Vận Hành Bằng Tay	630	80	Call	WX-06N-4P-MF-A	ACB 4 Cực, Kiểu Drawout Vận Hành Bằng Tay	630	80	Call
WX-08N-4P-MF-A		800			WX-08N-4P-MF-A		800		
WX-10N-4P-MF-A		1000			WX-10N-4P-MF-A		1000		
WX-12N-4P-MF-A		1250			WX-12N-4P-MF-A		1250		
WX-16N-4P-MF-A		1600			WX-16N-4P-MF-A		1600		
WX-20N-4P-MF-A		2000			WX-20N-4P-MF-A		2000		
WX-25N-4P-MF-A		2500			WX-25N-4P-MF-A		2500		
	(Cấu hình vận hành bằng tay chỉ có tiếp điểm phụ)					(Cấu hình vận hành bằng tay tiếp điểm phụ)			
WX-20H-4P-MF-A		2000	100	Call	WX-20H-4P-MF-A		2000	100	Call
WX-25H-4P-MF-A		2500			WX-25H-4P-MF-A		2500		
WX-32H-4P-MF-A		3200			WX-32H-4P-MF-A		3200		
WX-40H-4P-MF-A		4000			WX-40H-4P-MF-A		4000		

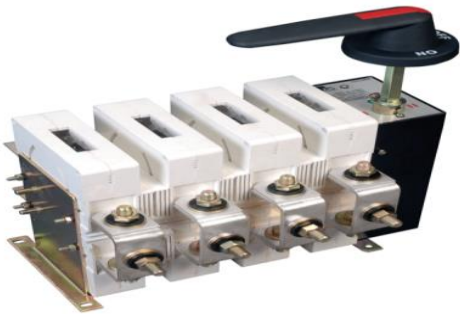
WX-06N-4P-EF-A	ACB 4 Cực, Kiểu Cố Định (FIXED) Vận Hành Bằng Điện	630	80	Call	WX-06N-4P-EF-A	ACB 4 Cực, Kiểu Drawout Vận Hành Bằng Điện	630	80	Call	
WX-08N-4P-EF-A		800			WX-08N-4P-EF-A		800			
WX-10N-4P-EF-A		1000			WX-10N-4P-EF-A		1000			
WX-12N-4P-EF-A		1250			WX-12N-4P-EF-A		1250			
WX-16N-4P-EF-A		1600			WX-16N-4P-EF-A		1600			
	(Cấu hình vận hành bằng điện bao gồm cuộn đóng, cuộn cắt, motor nạp, tiếp điểm phụ)					(Cấu hình vận hành bằng điện bao gồm cuộn đóng, cuộn cắt, motor nạp, tiếp điểm phụ)				
WX-20H-4P-EF-A		2000	100	Call	WX-20H-4P-EF-A		2000	100	Call	
WX-25H-4P-EF-A		2500			WX-25H-4P-EF-A		2500			
WX-32H-4P-EF-A		3200			WX-32H-4P-EF-A		3200			
WX-40H-4P-EF-A		4000			WX-40H-4P-EF-A		4000			
PHỤ KIỆN ACB					PHỤ KIỆN ACB					
Cuộn Cắt - 230VAC (SHT - Shuntrip)			2,500,000		Bộ Bảo Vệ Thấp Áp (Under Voltage Trip)			2,000,000		
Cuộn Đóng - 230VAC (Closing Coil)			3,500,000		Khóa Liên Động (Mechanical Interlock)			2-way (dùng cho 2 ACB)		6,000,000
Motor Nạp Lò Xo - 240VAC (Motor Drive)			9,000,000					3-way (dùng cho 3 ACB)		13,500,000

Bảng Giá Cầu Chì Động Lực C&S - Kiểu IEC
(Áp dụng từ ngày 01/01/2016 - Giá chưa bao gồm thuế VAT)

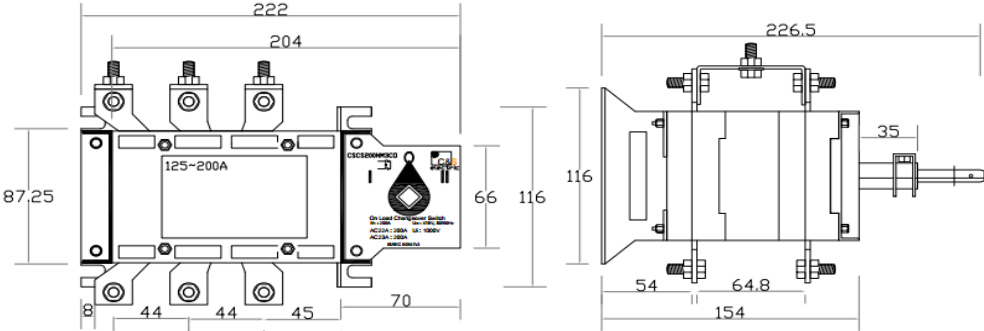
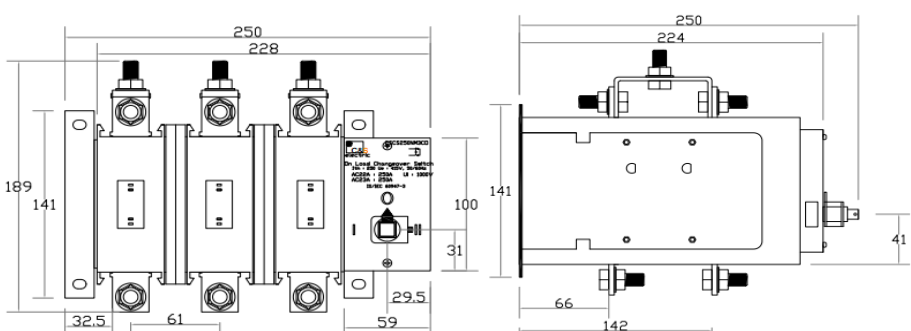
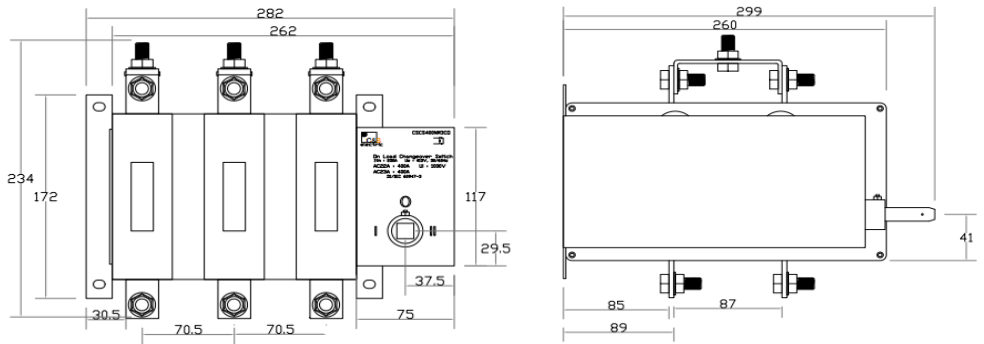
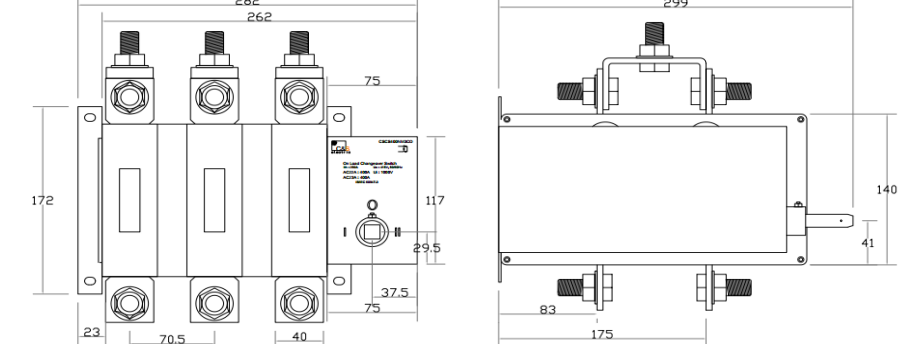
Hình Ảnh	Cỡ	Ampe (A)	Mã Hàng	Giá (VNĐ)
	NH00	6	CDFL 00-6	70,000
		10	CDFL 00-10	65,000
		16	CDFL 00-16	60,000
		20	CDFL 00-20	55,000
		25	CDFL 00-25	55,000
		32	CDFL 00-32	55,000
		35	CDFL 00-35	55,000
		40	CDFL 00-40	55,000
		50	CDFL 00-50	55,000
		63	CDFL 00-63	55,000
		80	CDFL 00-80	60,000
		100	CDFL 00-100	60,000
		125	CDFL 00-125	65,000
		160	CDFL 00-160	65,000
	NH1	160	CDFL 1-160	135,000
		200	CDFL 1-200	140,000
		250	CDFL 1-250	145,000
	NH2	250	CDFL 2-250	210,000
		315	CDFL 2-315	220,000
		400	CDFL 2-400	230,000
	NH3	400	CDFL 3-400	300,000
		500	CDFL 3-500	320,000
		630	CDFL 3-630	340,000
Đế cầu chì 1P	NH00	160	CDFB 00-1-160	82,000
Đế cầu chì 3P	NH00	160	CDFB 00-3-160	215,000
Đế cầu chì 1P	NH1	250	CDFB 1-250	180,000
Đế cầu chì 1P	NH2	400	CDFB 2-400	295,000
Đế cầu chì 1P	NH3	630	CDFB 3-630	450,000
Tay cầm tháo lắp chì	All		CDFH003	80,000

Manual Change Over Switch C&S
Bảng Giá Bộ Chuyển Nguồn Bằng Tay
(MTS - Cầu Dao Đảo)

(Áp dụng từ ngày 01/03/2017 - Giá chưa bao gồm thuế VAT)

Manual Change Over Switch 3 Pole (Bộ Chuyển Nguồn Bằng Tay Loại 3 Cực)				Manual Change Over Switch 4 Pole (Bộ Chuyển Nguồn Bằng Tay Loại 4 Cực)		
Hình Ảnh	Ampe	Mã Hàng	Giá (VNĐ)	Ampe	Mã Hàng	Giá (VNĐ)
  Loại Không Hộp	2P 63A	CSCOS2P63A	290,000	4P 63A	CSCOS4P63A	450,000
	100	CSCS100NM3CO	990,000	100	CSCS100NM4CO	1,320,000
	125	CSCS125NM3CO	2,100,000	125	CSCS125NM4CO	2,580,000
	160	CSCS160NM3CO	2,300,000	160	CSCS160NM4CO	2,600,000
	200	CSCS200NM3CO	2,500,000	200	CSCS200NM4CO	3,000,000
	250	CSCS250DM3CO	3,400,000	250	CSCS250DM4CO	4,850,000
	315	CSCS315DM3CO	3,600,000	315	CSCS315DM4CO	5,000,000
	400	CSCS400K3CO	6,300,000	400	CSCS400K4CO	7,850,000
	630	CSCS630K3CO	6,850,000	630	CSCS630K4CO	9,600,000
 Loại Có Hộp	800	CSCS800K3CO	7,100,000	800	CSCS800K4CO	10,500,000
	Ampe	Mã Hàng	Giá (VNĐ)	Ampe	Mã Hàng	Giá (VNĐ)
	100	E-CSCS100NM3CO	1,450,000	100	E-CSCS100NM4CO	2,000,000
	125	E-CSCS125NM3CO	2,450,000	125	E-CSCS125NM4CO	3,500,000
	160	E-CSCS160NM3CO	2,550,000	160	E-CSCS160NM4CO	3,600,000
	200	E-CSCS200NM3CO	2,900,000	200	E-CSCS200NM4CO	3,800,000
	250	E-CSCS250DM3CO	5,300,000	250	E-CSCS250DM4CO	6,550,000
	315	E-CSCS315DM3CO	5,800,000	315	E-CSCS315DM4CO	6,950,000
	400	E-CSCS400K3CO	9,000,000	400	E-CSCS400K4CO	10,000,000
	630	E-CSCS630K3CO	9,600,000	630	E-CSCS630K4CO	12,250,000
	800	E-CSCS800K3CO	10,000,000	800	E-CSCS800K4CO	13,200,000

Kích Thước - Hình Ảnh
(Loại 3 Cực)

 125A - 160A - 200A	 250A - 315A
 400A	 630A - 800A